

Số: 32/2026/QĐST-LĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Thư ký phiên họp: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 12/2026/TLST-LĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 19/2026/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu:* Ông Thạch Minh T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Ấp S, xã L, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên lạc: Số C, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Ông Thạch Minh T1, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Ấp S, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.2. Công ty TNHH MTV T2; địa chỉ: Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3.3. Bảo hiểm xã hội Cơ sở Lái Thiêu - Thành phố H; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai ông Thạch Minh T trình bày: Do có nhu cầu rút bảo hiểm nên ông Thạch Minh T đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Thành phố Hồ Chí Minh để rút bảo hiểm theo đúng quy định. Sau đó, ông Thạch Minh T được Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Thành phố Hồ Chí Minh thông báo thời điểm từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 ông Thạch Minh T có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Một thành viên T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) nên Công ty T2 có thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho ông Thạch Minh T vào thời gian trên.

Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời điểm nêu trên ông Thạch Minh T cũng đang

làm việc cho Công ty TNHH H nên cùng một khoảng thời gian, ông Thạch Minh T được đóng bảo hiểm tại hai công ty. Do đó, đến nay ông Thạch Minh T không thể rút bảo hiểm xã hội theo đúng quy định được.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa ông Thạch Minh T1 và Công ty TNHH Một thành viên T2 là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình được pháp luật bảo vệ, nay ông Thạch Minh T đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết như sau: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Thạch Minh T (do ông Thạch Minh T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH Một thành viên T2 từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 là vô hiệu.

Về hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động thì ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên ông Thạch Minh T1 trình bày:

Vào tháng 01/2010 ông Thạch Minh T1 có mượn giấy chứng minh nhân dân của ông Thạch Minh T để đi làm ở Công ty TNHH Một thành viên T2 từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 và tham gia bảo hiểm xã hội số 7410057017. Việc ông T1 tham gia đóng bảo hiểm xã hội trùng với khoảng thời gian ông T cho ông T1 mượn hồ sơ đi làm ở Công ty TNHH Một thành viên T2. Nay ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Thạch Minh T (do ông Thạch Minh T1 mượn thông tin) với Công ty TNHH Một thành viên T2 là vô hiệu.

Về hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động thì ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Tại bản tự khai, ông Nguyễn Thái S, người đại diện hợp pháp của của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Bảo hiểm xã hội Thành phố H trình bày:

Qua kiểm tra dữ liệu lưu trữ hiện có trên hệ thống của ngành BHXH, đối với thông tin họ tên: Thạch Minh T, sinh ngày 01/01/1990, số chứng minh nhân dân: 334669633, số căn cước công dân 084090014591 có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), ở các mã số BHXH như sau:

Mã số BHXH: 7410057017 tham gia từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 tại Công ty TNHH Một thành viên T2.

Mã số BHXH: 7408193901 tham gia từ tháng 07/2008 đến tháng 03/2014 tại Công ty TNHH H, Bảo hiểm xã hội cơ sở B quản lý. Trong đó mã số 7408193901 có quá trình từ tháng 07/2008 đến tháng 03/2014 đã nhận BHXH một lần theo QĐ số 041505373 ngày 21/04/2015; đã nhận trợ cấp thất nghiệp theo QĐ số 31855 ngày 01/7/2014.

- Công ty TNHH Một thành viên T2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Thạch Minh T, ông Thạch Minh T1, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH Một thành viên T2. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng, các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010, người lao động tên Thạch Minh T, sinh năm 1990, số chứng minh nhân dân: 334669633, số căn cước công dân 084090014591 được Công ty TNHH Một thành viên T2 tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm là 7410057017. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH Một thành viên T2 và ông Thạch Minh T phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 01/2010. Tuy nhiên, ông Thạch Minh T và ông Thạch Minh T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Một thành viên T2 và thực tế làm việc tại Công ty T3 khoảng thời gian từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 theo hợp đồng lao động là ông Thạch Minh T1 chứ không phải ông Thạch Minh T do ông T1 mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của ông T để đi làm việc. Mục đích mượn giấy tờ là để ông T1 có việc làm do thời gian này ông T1 chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của ông T và ông T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 07/2008 đến tháng 03/2014 và ông T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH H. Xét thấy, việc ông T1 lấy tên ông T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó việc ông Thạch Minh T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 giữa ông Thạch Minh T (do ông Thạch Minh T1 mượn tên) với Công ty TNHH Một thành viên T2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 122, Điều 127 Bộ luật Dân sự, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Bảo hiểm xã hội Thành phố H đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Thạch Minh T bị trùng từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010. Do đó, ông T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH Một thành viên T2 với ông T (do ông T1 sử dụng thông tin của ông T để ký) từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: ông Thạch Minh T phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Điều 9 của Bộ luật lao động năm 1994; Điều 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Thạch Minh T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Thạch Minh T với Công ty TNHH Một thành viên T2 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410057017) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410057017 không phải là ông Thạch Minh T, sinh năm 1990, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 084090014591. Ông Thạch Minh T và ông Thạch Minh T1 được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410057017.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: ông Thạch Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001831 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phạm Thị Bạch Tuyết